

Số: 05 /2022/NQ-HĐND

Quảng Nam, ngày 12 tháng 01 năm 2022

**NGHỊ QUYẾT**

**Quy định mức chi tiền công thực hiện các nhiệm vụ thuộc công tác chuẩn bị, tổ chức và tham dự các kỳ thi đối với giáo dục phổ thông; chính sách hỗ trợ tổ chức ôn tập cho học sinh đồng bào dân tộc thiểu số tham dự kỳ thi trung học phổ thông trên địa bàn tỉnh Quảng Nam**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NAM  
KHÓA X, KỲ HỌP THỨ NĂM**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;*

*Căn cứ Thông tư số 69/2021/TT-BTC ngày 11 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý kinh phí chuẩn bị, tổ chức và tham dự các kỳ thi áp dụng đối với giáo dục phổ thông;*

*Xét Tờ trình số 9410/TTr-UBND ngày 29 tháng 12 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh đề nghị ban hành Nghị quyết quy định mức chi tiền công thực hiện các nhiệm vụ thuộc công tác chuẩn bị, tổ chức và tham dự các kỳ thi đối với giáo dục phổ thông; chính sách tổ chức ôn tập cho học sinh người dân tộc thiểu số tham dự kỳ thi trung học phổ thông trên địa bàn tỉnh Quảng Nam; Báo cáo thẩm tra số 01/BC-HĐND ngày 07 tháng 01 năm 2022 của Ban Văn hóa - Xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.*

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Quy định mức chi tiền công thực hiện các nhiệm vụ thuộc công tác chuẩn bị, tổ chức và tham dự các kỳ thi đối với giáo dục phổ thông; chính sách hỗ trợ tổ chức ôn tập cho học sinh đồng bào dân tộc thiểu số tham dự kỳ thi trung học phổ thông trên địa bàn tỉnh, gồm:

1. Mức chi tiền công thực hiện các nhiệm vụ tại kỳ thi tốt nghiệp trung học phổ thông, kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia trung học phổ thông các môn văn hóa.

2. Mức chi tiền công thực hiện các nhiệm vụ tại kỳ thi tuyển sinh đầu cấp; kỳ thi chọn học sinh giỏi cấp tỉnh.

3. Mức chi tiền công thực hiện các nhiệm vụ tại kỳ thi chọn học sinh giỏi cấp huyện các môn văn hóa; các kỳ thi, cuộc thi, hội thi khác trong lĩnh vực giáo dục - đào tạo.

4. Chính sách hỗ trợ tổ chức ôn tập cho học sinh đồng bào dân tộc thiểu số tham dự kỳ thi trung học phổ thông.

### **Điều 2. Đối tượng áp dụng**

1. Các cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục và đào tạo; các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan được cơ quan có thẩm quyền giao thực hiện các nhiệm vụ tại các kỳ thi đối với giáo dục phổ thông trên địa bàn tỉnh.

2. Viên chức quản lý, giáo viên tham gia giảng dạy, quản lý; nhân viên cấp dưỡng và học sinh đồng bào dân tộc thiểu số đang học lớp 12 tại các trường trung học phổ thông, phổ thông dân tộc nội trú của tỉnh.

### **Điều 3. Mức chi tiền công thực hiện các nhiệm vụ**

1. Mức chi tiền công thực hiện các nhiệm vụ tại kỳ thi tốt nghiệp trung học phổ thông, kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia trung học phổ thông các môn văn hóa (*Phụ lục I kèm theo*).

2. Mức chi tiền công thực hiện các nhiệm vụ tại kỳ thi tuyển sinh đầu cấp; kỳ thi chọn học sinh giỏi cấp tỉnh (*Phụ lục II kèm theo*).

3. Mức chi tiền công thực hiện các nhiệm vụ tại kỳ thi chọn học sinh giỏi cấp huyện các môn văn hóa; các kỳ thi, cuộc thi, hội thi khác trong lĩnh vực giáo dục - đào tạo (*Phụ lục III kèm theo*).

Đối với các kỳ thi, cuộc thi, hội thi trong lĩnh vực giáo dục phổ thông do cấp trường tổ chức, căn cứ khả năng nguồn kinh phí theo quy định, các trường được áp dụng các mức chi nhưng không vượt quá mức chi quy định tại khoản 3 Điều này.

4. Trường hợp Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy chế tổ chức từng kỳ thi, cuộc thi có quy định các chức danh ngoài các chức danh đã được quy định tại các phụ lục 1, 2, 3 thì được áp dụng theo mức tiền công đối với chức danh Ủy viên Hội đồng thi không quá hệ số 1,0 đối với Trưởng và 0,9 đối với Phó trưởng.

### **Điều 4. Chính sách hỗ trợ tổ chức ôn tập cho học sinh đồng bào dân tộc thiểu số**

1. Nội dung và mức chi:

a) Hỗ trợ học sinh đồng bào dân tộc thiểu số: Tiền ăn: 80% mức lương cơ sở<sup>1</sup>/học sinh/tháng; tiền ở: 10% mức lương cơ sở/học sinh/tháng (chỉ áp dụng đối với học sinh không được bố trí ở ký túc xá).

b) Hỗ trợ giáo viên: 100.000 đồng/tiết; tổng số tiết dạy trong 01 tuần/lớp được hỗ trợ: 31 tiết.

c) Hỗ trợ viên chức quản lý: 100.000 đồng/tiết; số tiết trong 01 tuần: 4 tiết.

d) Hỗ trợ nhân viên cấp dưỡng (không áp dụng đối với nhân viên cấp dưỡng các trường phổ thông dân tộc nội trú tỉnh, huyện): 200% mức lương cơ sở/người/tháng

<sup>1</sup> Mức lương cơ sở: 1.490.000 đồng/tháng

(định mức tối thiểu 35 học sinh/01 nhân viên cấp dưỡng, số dư từ 15 học sinh trở lên được tính thêm 01 nhân viên).

2. Thời gian thực hiện: Kể từ khi kết thúc năm học đến thời điểm diễn ra kỳ thi tốt nghiệp trung học phổ thông.

3. Đối với các nội dung, mức chi quy định tại điểm a, d khoản 1 Điều này: Trường hợp thời gian thực hiện dưới 15 ngày thì được hưởng 50%, từ 15 ngày trở lên thì được hưởng 100% mức chi.

#### **Điều 5. Nguồn kinh phí thực hiện**

Nguồn ngân sách địa phương bố trí cho sự nghiệp giáo dục và đào tạo theo phân cấp ngân sách nhà nước hiện hành.

#### **Điều 6. Tổ chức thực hiện**

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

3. Những nội dung khác liên quan đến việc quản lý kinh phí thực hiện các nhiệm vụ thuộc công tác chuẩn bị, tổ chức và tham dự các kỳ thi áp dụng đối với giáo dục phổ thông trên địa bàn tỉnh không quy định tại Nghị quyết này thực hiện theo quy định tại Thông tư số 69/2021/TT-BTC ngày 11 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý kinh phí chuẩn bị, tổ chức và tham dự các kỳ thi áp dụng đối với giáo dục phổ thông.

4. Nghị quyết này thay thế Nghị quyết số 10/2019/NQ-HĐND ngày 03 tháng 10 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức chi phục vụ các kỳ thi trong ngành giáo dục và đào tạo; chính sách tổ chức ôn tập cho học sinh người dân tộc thiểu số tham dự kỳ thi trung học phổ thông quốc gia.

Nghị quyết được Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Nam khóa X, kỳ họp thứ năm thông qua ngày 12 tháng 01 năm 2022 và có hiệu lực từ ngày 24 tháng 01 năm 2022./.

#### **Nơi nhận:**

- UBND tỉnh;
- Chính phủ
- VP: QH, CTN, CP;
- Ban CTĐB-UBND tỉnh;
- Các Bộ: Tài chính, Giáo dục và Đào tạo;
- Cục KT VBQPPL - Bộ Tư pháp;
- Ban TVTU, TT HĐND, UBND tỉnh;
- UBMTTQVN, Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Các Ban của HĐND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- VP: Tỉnh ủy, UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- TT HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Công thông tin điện tử tỉnh;
- TTXVN tại Quảng Nam;
- Báo Quảng Nam, Đài PT-TH tỉnh;
- VP Đoàn ĐBQH & HĐND tỉnh: CPVP, các phòng;
- Lưu: VT, CTHĐND.

**CHỦ TỊCH**



**Phan Việt Cường**

**Phụ lục I**

**MỨC TIỀN CÔNG CHO CHỨC DANH LÀ THÀNH VIÊN THỰC HIỆN NHIỆM VỤ TẠI KỲ THI TỐT NGHIỆP TRUNG HỌC PHỔ THÔNG, KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI CẤP QUỐC GIA THPT CÁC MÔN VĂN HÓA TỔ CHỨC TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH**

*(Kèm theo Nghị quyết số: 05 /2022/NQ-HĐND ngày 12 tháng 01 năm 2022 của HĐND tỉnh)*

<b>TT</b>	<b>Nội dung chi</b>	<b>Đơn vị tính</b>	<b>Mức chi</b>
<b>1</b>	<b>Tiền công cho thành viên Ban Chỉ đạo thi</b>		
	- Trưởng ban	đồng/người/ngày	500.000
	- Phó Trưởng ban	đồng/người/ngày	400.000
	- Ủy viên	đồng/người/ngày	300.000
	- Thư ký	đồng/người/ngày	250.000
	- Nhân viên phục vụ	đồng/người/ngày	150.000
<b>2</b>	<b>Tiền công cho thành viên Hội đồng thi</b>		
	- Chủ tịch	đồng/người/ngày	500.000
	- Phó Chủ tịch	đồng/người/ngày	400.000
	- Ủy viên	đồng/người/ngày	300.000
<b>3</b>	<b>Tiền công cho thành viên Ban thư ký Hội đồng thi</b>		
	- Trưởng ban	đồng/người/ngày	400.000
	- Phó Trưởng ban	đồng/người/ngày	320.000
	- Ủy viên	đồng/người/ngày	240.000
<b>4</b>	<b>Tiền công cho thành viên Ban in sao đề thi</b>		
	- Trưởng ban	đồng/người/ngày	400.000
	- Phó Trưởng ban	đồng/người/ngày	320.000
	- Ủy viên, thư ký làm việc cách ly	đồng/người/ngày	280.000
	- Nhân viên phục vụ, công an, bảo vệ làm việc cách ly	đồng/người/ngày	240.000
	- Nhân viên phục vụ, công an, bảo vệ vòng ngoài	đồng/người/ngày	160.000
<b>5</b>	<b>Tiền công cho thành viên bộ phận vận chuyển đề thi</b>		
	Thành viên bộ phận vận chuyển đề thi	đồng/người/ngày	300.000
<b>6</b>	<b>Tiền công cho thành viên Hội đồng/Ban coi thi</b>		
	- Trưởng ban	đồng/người/ngày	350.000
	- Phó Trưởng ban	đồng/người/ngày	280.000
	- Ủy viên, thư ký, giám thị	đồng/người/ngày	245.000
	- Công an, bảo vệ	đồng/người/ngày	140.000
<b>7</b>	<b>Tiền công cho thành viên Ban/Tổ làm phách</b>		
	- Trưởng ban/Tổ trưởng	đồng/người/ngày	350.000
	- Phó Trưởng ban	đồng/người/ngày	280.000
	- Ủy viên, thư ký làm việc cách ly	đồng/người/ngày	245.000
	- Nhân viên phục vụ, bảo vệ làm việc cách ly	đồng/người/ngày	210.000
	- Nhân viên phục vụ, bảo vệ vòng ngoài	đồng/người/ngày	140.000
<b>8</b>	<b>Tiền công cho Hội đồng/Ban chấm thi tự luận, Hội đồng/Ban phúc khảo tự luận, Hội đồng/Ban chấm thẩm định bài thi</b>		
	- Trưởng ban	đồng/người/ngày	350.000
	- Phó Trưởng ban	đồng/người/ngày	280.000
	- Ủy viên, thư ký, kỹ thuật viên	đồng/người/ngày	245.000

TT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi
	- Nhân viên phục vụ, công an, bảo vệ	đồng/người/ngày	140.000
<b>9</b>	<b>Tiền công chấm bài, chấm phúc khảo bài thi tự luận; chấm thi, chấm phúc khảo bài thi trắc nghiệm; chấm thẩm định bài thi tự luận</b>		
	- Chấm bài, chấm phúc khảo bài thi tự luận; chấm thẩm định bài thi tự luận kỳ thi tốt nghiệp THPT	đồng/người/ngày <i>(số lượng bài thi mỗi cán bộ phải hoàn thành trong ngày là 10 bài )</i>	250.000
	- Chấm bài, chấm phúc khảo bài thi tự luận; chấm thẩm định bài thi tự luận kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia THPT các môn văn hóa	đồng/người/ngày <i>(số lượng bài thi mỗi cán bộ phải hoàn thành trong ngày là 05 bài )</i>	
	- Chấm bài, chấm phúc khảo bài thi trắc nghiệm	đồng/người/ngày <i>(số lượng bài thi mỗi cán bộ phải hoàn thành trong ngày là 80 bài)</i>	350.000

**Phụ lục II**  
**MỨC TIỀN CÔNG CHO CHỨC DANH LÀ THÀNH VIÊN THỰC HIỆN NHIỆM VỤ TẠI KỲ**  
**THI TUYỂN SINH ĐẦU CẤP, KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI CẤP TỈNH**  
**TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH**

(Kèm theo Nghị quyết số: 05 /2022/NQ-HĐND ngày 12 tháng 01 năm 2022 của HĐND tỉnh)

TT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi
<b>1</b>	<b>Tiền công cho thành viên Ban Tổ chức</b>		
	- Trưởng ban	đồng/người/ngày	400.000
	- Phó Trưởng ban	đồng/người/ngày	320.000
	- Ủy viên	đồng/người/ngày	280.000
	- Thư ký	đồng/người/ngày	200.000
	- Nhân viên phục vụ	đồng/người/ngày	160.000
<b>2</b>	<b>Tiền công cho thành viên Hội đồng thi</b>		
	- Chủ tịch	đồng/người/ngày	400.000
	- Phó Chủ tịch	đồng/người/ngày	320.000
	- Ủy viên	đồng/người/ngày	280.000
<b>3</b>	<b>Tiền công cho thành viên Ban thư ký Hội đồng thi</b>		
	- Trưởng ban	đồng/người/ngày	350.000
	- Phó Trưởng ban	đồng/người/ngày	280.000
	- Ủy viên	đồng/người/ngày	245.000
<b>4</b>	<b>Tiền công cho thành viên Ban ra đề thi</b>		
	- Trưởng ban	đồng/người/ngày	350.000
	- Phó Trưởng ban	đồng/người/ngày	280.000
	- Ủy viên, thư ký, bảo vệ vòng trong (24/24)	đồng/người/ngày	245.000
	- Ủy viên, thư ký, bảo vệ vòng ngoài	đồng/người/ngày	140.000
<b>5</b>	<b>Tiền công cho thành viên Ban in sao đề thi</b>		
	- Trưởng ban	đồng/người/ngày	350.000
	- Phó Trưởng ban	đồng/người/ngày	280.000
	- Ủy viên, thư ký làm việc cách ly	đồng/người/ngày	245.000
	- Nhân viên phục vụ, công an, bảo vệ làm việc cách ly	đồng/người/ngày	210.000
	- Nhân viên phục vụ, công an, bảo vệ vòng ngoài	đồng/người/ngày	140.000
<b>6</b>	<b>Tiền công cho thành viên bộ phận vận chuyển đề thi</b>		
	- Thành viên bộ phận vận chuyển đề thi	đồng/người/ngày	250.000
<b>7</b>	<b>Tiền công cho thành viên Hội đồng/Ban coi thi</b>		
	- Trưởng ban	đồng/người/ngày	300.000
	- Phó Trưởng ban	đồng/người/ngày	270.000
	- Ủy viên, thư ký, giám thị	đồng/người/ngày	240.000
	- Công an, bảo vệ	đồng/người/ngày	120.000
<b>8</b>	<b>Tiền công cho thành viên Ban/Tổ làm phách</b>		
	- Trưởng ban/Tổ trưởng	đồng/người/ngày	300.000
	- Phó Trưởng ban	đồng/người/ngày	270.000
	- Ủy viên, thư ký làm việc cách ly	đồng/người/ngày	240.000
	- Nhân viên phục vụ, bảo vệ làm việc cách ly	đồng/người/ngày	180.000
	- Nhân viên phục vụ, bảo vệ vòng ngoài	đồng/người/ngày	120.000
<b>9</b>	<b>Tiền công cho Hội đồng/Ban chấm thi tự luận, Hội đồng/Ban phúc khảo tự luận, Hội đồng/Ban chấm thẩm định bài thi</b>		
	- Trưởng ban	đồng/người/ngày	300.000

<b>TT</b>	<b>Nội dung chi</b>	<b>Đơn vị tính</b>	<b>Mức chi</b>
	- Phó Trưởng ban	đồng/người/ngày	270.000
	- Ủy viên, thư ký, kỹ thuật viên	đồng/người/ngày	240.000
	- Nhân viên phục vụ, công an, bảo vệ	đồng/người/ngày	120.000
<b>10</b>	<b>Tiền công chấm bài, chấm phúc khảo bài thi tự luận; chấm thi, chấm phúc khảo bài thi trắc nghiệm; chấm thẩm định bài thi tự luận</b>		
	- Chấm bài, chấm phúc khảo bài thi tự luận; chấm thẩm định bài thi tự luận kỳ thi tuyển sinh vào lớp 10 các trường THPT chuyên và kỳ thi chọn học sinh giỏi cấp tỉnh	đồng/người/ngày (số lượng bài thi mỗi cán bộ phải hoàn thành trong ngày là <b>06 bài</b> )	200.000
	- Chấm bài, chấm phúc khảo bài thi tự luận; chấm thẩm định bài thi tự luận kỳ thi tuyển sinh đầu cấp khác	đồng/người/ngày (số lượng bài thi mỗi cán bộ phải hoàn thành trong ngày là <b>10 bài</b> )	
	- Chấm bài, chấm phúc khảo bài thi trắc nghiệm	đồng/người/ngày (số lượng bài thi mỗi cán bộ phải hoàn thành trong ngày là <b>80 bài</b> )	300.000
<b>11</b>	<b>Tiền công ra đề thi</b>		
a)	Tiền công xây dựng và phê duyệt ma trận đề thi và bản đặc tả đề thi		
	- Chủ trì	đồng/người/ngày	500.000
	- Các thành viên	đồng/người/ngày	400.000
b)	Tiền công ra đề đề xuất đối với đề thi tự luận	đồng/đề theo phân môn	600.000
c)	Tiền công ra đề thi chính thức và dự bị có kèm theo đáp án, biểu điểm	đồng/người/ngày	750.000
<b>12</b>	<b>Tiền công xây dựng ngân hàng câu hỏi thi</b>		
a)	Tiền công xây dựng và phê duyệt ma trận đề thi và bản đặc tả đề thi		
	- Chủ trì	đồng/người/ngày	400.000
	- Các thành viên	đồng/người/ngày	320.000
b)	Tiền công soạn thảo câu hỏi thô	đồng/câu	55.000
c)	Tiền công rà soát, chọn lọc, thẩm định và biên tập câu hỏi	đồng/câu	50.000
d)	Tiền công chỉnh sửa câu hỏi sau thử nghiệm	đồng/câu	40.000
đ)	Tiền công chỉnh sửa lại các câu hỏi sau khi thử nghiệm đề thi	đồng/câu	30.000
e)	Tiền công rà soát, lựa chọn và nhập các câu hỏi vào ngân hàng câu hỏi thi theo hướng chuẩn hóa	đồng/câu	10.000
g)	Tiền công thuê chuyên gia định cỡ câu trắc nghiệm		
	- Chủ trì	đồng/người/ngày	500.000
	- Các thành viên	đồng/người/ngày	400.000

## Phụ lục III

**MỨC TIỀN CÔNG CHO CHỨC DANH LÀ THÀNH VIÊN THỰC HIỆN NHIỆM VỤ TẠI KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI CẤP HUYỆN CÁC MÔN VĂN HÓA; CÁC KỲ THI, CUỘC THI, HỘI THI KHÁC TRONG LĨNH VỰC GIÁO DỤC PHỔ THÔNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH**

(Kèm theo Nghị quyết số: 05 /2022/NQ-HĐND ngày 12 tháng 01 năm 2022 của HĐND tỉnh)

TT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi
<b>1</b>	<b>Tiền công cho thành viên Ban Tổ chức</b>		
	- Trưởng ban	đồng/người/ngày	300.000
	- Phó Trưởng ban	đồng/người/ngày	270.000
	- Ủy viên	đồng/người/ngày	240.000
	- Thư ký	đồng/người/ngày	150.000
	- Nhân viên phục vụ	đồng/người/ngày	120.000
<b>2</b>	<b>Tiền công cho thành viên Hội đồng thi</b>		
	- Chủ tịch	đồng/người/ngày	300.000
	- Phó Chủ tịch	đồng/người/ngày	270.000
	- Ủy viên	đồng/người/ngày	240.000
<b>3</b>	<b>Tiền công cho thành viên Ban thư ký Hội đồng thi</b>		
	- Trưởng ban	đồng/người/ngày	240.000
	- Phó Trưởng ban	đồng/người/ngày	200.000
	- Ủy viên	đồng/người/ngày	170.000
<b>4</b>	<b>Tiền công cho thành viên Ban ra đề thi</b>		
	- Trưởng ban	đồng/người/ngày	300.000
	- Phó Trưởng ban	đồng/người/ngày	270.000
	- Ủy viên, thư ký, bảo vệ vòng trong (24/24)	đồng/người/ngày	240.000
	- Ủy viên, thư ký, bảo vệ vòng ngoài	đồng/người/ngày	150.000
<b>5</b>	<b>Tiền công cho thành viên Ban in sao đề thi</b>		
	- Trưởng ban	đồng/người/ngày	280.000
	- Phó Trưởng ban	đồng/người/ngày	250.000
	- Ủy viên, thư ký làm việc cách ly	đồng/người/ngày	220.000
	- Nhân viên phục vụ, công an, bảo vệ làm việc cách ly	đồng/người/ngày	190.000
	- Nhân viên phục vụ, công an, bảo vệ vòng ngoài	đồng/người/ngày	120.000
<b>6</b>	<b>Tiền công cho thành viên bộ phận vận chuyển đề thi</b>		
	Thành viên bộ phận vận chuyển đề thi	đồng/người/ngày	200.000
<b>7</b>	<b>Tiền công cho thành viên Hội đồng/Ban coi thi</b>		
	- Trưởng ban	đồng/người/ngày	250.000
	- Phó Trưởng ban	đồng/người/ngày	225.000
	- Ủy viên, thư ký, giám thị	đồng/người/ngày	200.000
	- Công an, bảo vệ	đồng/người/ngày	100.000
<b>8</b>	<b>Tiền công cho thành viên Ban/Tổ làm phách</b>		
	- Trưởng ban/Tổ trưởng	đồng/người/ngày	250.000
	- Phó Trưởng ban	đồng/người/ngày	225.000



TT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi
	- Ủy viên, thư ký làm việc cách ly	đồng/người/ngày	200.000
	- Nhân viên phục vụ, bảo vệ làm việc cách ly	đồng/người/ngày	180.000
	- Nhân viên phục vụ, bảo vệ vòng ngoài	đồng/người/ngày	100.000
<b>9</b>	<b>Tiền công cho Hội đồng/Ban chấm thi tự luận, Hội đồng/Ban phúc khảo tự luận, Hội đồng/Ban chấm thẩm định bài thi</b>		
	- Trưởng ban	đồng/người/ngày	250.000
	- Phó Trưởng ban	đồng/người/ngày	225.000
	- Ủy viên, thư ký, kỹ thuật viên	đồng/người/ngày	200.000
	- Nhân viên phục vụ, công an, bảo vệ	đồng/người/ngày	100.000
<b>10</b>	<b>Tiền công chấm bài, chấm phúc khảo bài thi tự luận; chấm thi, chấm phúc khảo bài thi trắc nghiệm; chấm thẩm định bài thi tự luận</b>		
	- Chấm bài, chấm phúc khảo bài thi tự luận; chấm thẩm định bài thi tự luận kỳ thi chọn học sinh giỏi cấp huyện các môn văn hóa	đồng/người/ngày (số lượng bài thi mỗi cán bộ phải hoàn thành trong ngày là <b>06 bài</b> )	150.000
	- Chấm bài, chấm phúc khảo bài thi tự luận; chấm thẩm định bài thi tự luận kỳ thi, cuộc thi, hội thi khác	đồng/người/ngày (số lượng bài thi mỗi cán bộ phải hoàn thành trong ngày là <b>10 bài</b> )	
	- Chấm bài, chấm phúc khảo bài thi trắc nghiệm	đồng/người/ngày (số lượng bài thi mỗi cán bộ phải hoàn thành trong ngày là <b>80 bài</b> )	250.000
<b>11</b>	<b>Tiền công ra đề thi</b>		
a)	Tiền công xây dựng và phê duyệt ma trận đề thi và bản đặc tả đề thi		
	- Chủ trì	đồng/người/ngày	400.000
	- Các thành viên	đồng/người/ngày	320.000
b)	Tiền công ra đề đề xuất đối với đề thi tự luận	đồng/đề theo phân môn	500.000
c)	Tiền công ra đề thi chính thức và dự bị có kèm theo đáp án, biểu điểm	đồng/người/ngày	500.000
<b>12</b>	<b>Tiền công xây dựng ngân hàng câu hỏi thi</b>		
a)	Tiền công xây dựng và phê duyệt ma trận đề thi và bản đặc tả đề thi		
	- Chủ trì	đồng/người/ngày	400.000
	- Các thành viên	đồng/người/ngày	320.000
b)	Tiền công soạn thảo câu hỏi thô	đồng/câu	50.000
c)	Tiền công rà soát, chọn lọc, thẩm định và biên tập câu hỏi	đồng/câu	45.000
d)	Tiền công chỉnh sửa câu hỏi sau thử nghiệm	đồng/câu	35.000

<b>TT</b>	<b>Nội dung chi</b>	<b>Đơn vị tính</b>	<b>Mức chi</b>
đ)	Tiền công chỉnh sửa lại các câu hỏi sau khi thử nghiệm đề thi	đồng/câu	25.000
e)	Tiền công rà soát, lựa chọn và nhập các câu hỏi vào ngân hàng câu hỏi thi theo hướng chuẩn hóa	đồng/câu	10.000
g)	Tiền công thuê chuyên gia định cỡ câu trắc nghiệm		
	- Chủ trì	đồng/người/ngày	500.000
	- Các thành viên	đồng/người/ngày	400.000